TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2022/HS-ST
Ngày 27-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nông.

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Tố Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 118/2022/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2022/HSST-QĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Hồng S, sinh năm 1993 tại thành phố Hải Phòng; thường trú: Số 35/20/90/191 đường Đ N, phường B Tr, quận Ng Qu, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 22/13A đường số T, phường H B Ph, thành phố Th Đ, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Lê Hồng Kh, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1966; bị cáo có 01 em ruột, sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/02/2022 đến ngày 09/4/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định về việc bảo lĩnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1961 và bà Trần Thị Thúy M, sinh năm 1982; cùng thường trú: Số 453/5/10 khu phố M, phường T Ph, thành phố Th Đ, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số 7/27 khu phố B Đ 3, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Bùi Quang Đ, sinh năm 1986; thường trú: Ô 4, 126A ấp Th B, thị trấn G D, huyện G D, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở: B31606 Chung cư Gi H, phường Ph L B, thành phố Th Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Phúc H, sinh năm 1960; thường trú: Số 310 D T, phường V Ng, thành phố Nh Tr, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 10/02/2022, Công an phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương tiến hành tuần tra trên địa bàn theo kế hoạch. Khi tổ tuần tra đến trước số nhà 7/27 khu phố B Đ 3, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương thì phát hiện Lê Hồng S điều khiển xe mô tô biển số 79H1 - 288.66 có biểu hiện nghi vấn nên lực lượng Công an yêu cầu S dừng xe để kiểm tra. Tại đây, S khai nhận đang đi thu tiền nợ của người vay nợ nên Công an phường A B đưa S về trụ sở làm việc

Tại Cơ quan Công an, Lê Hồng S và bà Nguyễn Thị Kim Th khai nhận như sau:

Lê Hồng S không có nghề nghiệp ổn định nên khoảng tháng 10/2020 S bắt đầu cho người có nhu cầu cần vay tiền để thu về lãi suất cao. Lúc này, S in nhiều tờ rơi với nội dung cho vay tiền, trên tờ rơi có số điện thoại 0938.745.556 và S phát tờ rơi dọc các tuyến đường thuộc địa bàn thành phố Th Đ, thành phố Hồ Chí Minh. Còn bà Nguyễn Thị Kim Th hiện đang kinh doanh tơ sợi và sinh sống tại địa chỉ số 7/27 khu phố B Đ 3, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Ngày 25/10/2020, bà Th nhặt được tờ rơi cho vay tiền của S. Do cần tiền kinh doanh nên bà Th liên hệ với S. Qua thỏa thuận, S đồng ý cho bà Th vay 100.000.000 đồng với hình thức vay lãi đứng (tiền gốc giữ nguyên, trả tiền lãi hàng ngày), lãi suất 30%/tháng (tương đương 01%/ngày), mỗi ngày bà Th phải đóng cho S 1.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong, S điều khiển xe mô tô biển số 79H1 - 288.66 mang tiền đến nhà bà Th tại địa chỉ số 7/27 khu phố B Đ 3, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Tại đây, S yêu cầu bà Th viết 01 giấy vay nợ ghi số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng thì bà Th đồng ý viết. S giữ tờ giấy này (sau đó đã xé bỏ) cùng 01 sổ hộ khẩu (bản chính), 01 chứng minh nhân dân của bà Trần Thị Thúy M (bản chính) - là con gái của bà Th. Sau đó, S đưa cho bà Th 100.000.000 đồng. Mỗi ngày S đến thu của bà Th 1.000.000 đồng tiền lãi.

Đến ngày 01/11/2020, bà Th tiếp tục thỏa thuận với S để vay thêm 50.000.000 đồng với với hình thức vay lãi đứng (tiền gốc giữ nguyên, trả tiền lãi hàng ngày), lãi suất 30%/tháng (tương đương 01%/ngày), mỗi ngày bà Th phải đóng cho S 500.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong thì S tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 79H1 - 288.66 mang tiền đến nhà bà Th tại địa chỉ số 7/27 khu phố B Đ 3, phường A B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Tại đây, S yêu cầu bà Th viết 01 giấy vay nợ ghi số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng thì bà Th đồng ý viết. S giữ tờ giấy này (sau đó đã xé bỏ) và giao cho bà Th 50.000.000 đồng. Hàng ngày S đến thu của bà Th 1.500.000 đồng (gồm 02 khoản lãi của 100.000.000 đồng và 50.000.000 đồng.

Ngày 01/3/2021, bà Th trả cho S được 20.000.000 đồng tiền gốc, nên số tiền gốc bà Th còn nợ là 130.000.000 đồng. Hàng ngày S đên thu của bà Th số tiền lãi là 1.300.000 đồng.

Trong ngày 01/3/2021, bà Th tiếp tục thỏa thuận với S để vay 50.000.000 đồng với hình thức đóng lãi góp, mỗi ngày bà Th phải trả 1.500.000 đồng (bao gồm

tiền gốc và tiền lãi) trong thời hạn 40 ngày với tổng số tiền là 60.000.000 đồng (lãi suất 0,5%/ngày). Tuy nhiên, khi đóng được 20 ngày thì bà Th không có khả năng đóng tiếp. Đối với khoản vay 130.000.000 đồng, bà Th đóng đến ngày 30/4/2021 thì cũng không có khả năng đóng tiếp.

Đến tháng 11/2021 sau khi hết giãn cách xã hội do tình hình dịch bệnh Covid 19 thì S nhiều lần gọi điện cho bà Th yêu cầu trả tiền nhưng bà Th không trả. Đến ngày 08/11/2021, S mang theo 01 giấy vay tiền đến nhà bà Th, trên giấy vay ghi số tiền vay là 300.000.000 đồng (S tính gộp 130.000.000 đồng tiền vay đứng, 25.000.000 đồng tiền vay góp và số tiền 145.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh từ tháng 5/2021 đến hết tháng 11/2022), lãi suất ghi trên hợp đồng 1,5%/tháng (thực tế S không thu lãi nữa mà đã tính vào tổng số tiền 300.000.000 đồng). Tại đây, S lo sợ bà Th sức khỏe yếu, không có khả năng trả nên S yêu cầu bà M - con gái ruột của bà Th điền thông tin của bà M vào giấy vay tiền thì bà M đồng ý (trên thực tế bà Th vẫn là người đóng tiền cho S). S và bà Th thỏa thuận tùy vào khả năng mỗi tháng bà Th sẽ trả cho S, tối thiểu 10.000.000 đồng cho đến tháng 11/2022 thì trả hết cả gốc và lãi (145.000.000 đồng/155.000.000 đồng x 100%/549 ngày x 365 ngày = 62,195%/năm, cao gấp 3,1 lần so với quy định của Bộ luật Dân sự).

Đến ngày 20/12/2021, S đến nhà bà Th thu 10.000.000 đồng (tháng 12/2021). Ngày 20/01/2022, S đến thu của bà Th 5.000.000 đồng (tháng 01/2022). Đến ngày 10/02/2022 khi S đến nhà bà Th thu tiền tháng 2/2022 thì bị Công an phường An Bình tuần tra phát hiện, đưa về trụ sở để làm việc. Sau đó, Công an phường An Bình lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Như vậy, số tiền thu lợi bất chính Lê Hồng S đã thu của bà Nguyễn Thị Kim t là 256.160.275 đồng, cụ thể:

+ Số tiền vay 100.000.000 đồng: Hình thức vay đứng, lãi suất 01%/ngày, đã thu lãi từ ngày 25/10/2020 đến 28/02/2021 (127 ngày) với tổng số tiền là 127.000.000 đồng, mức lãi suất của gói vay là 127.000.000 đồng/100.000.000 đồng x 100%/127 ngày x 365 ngày = 365%/năm, cao gấp 18,25 lần (365%:20%) so với quy định của Bộ luật Dân sự. Theo quy định, mức lãi suất cao nhất bà Th phải trả là 100.000.000 đồng x 20%/365 ngày x 127 ngày/100% = 6.958.904 đồng. Như vậy Lê Hồng S thu lợi bất chính số tiền 120.041.096 đồng.

+ Số tiền vay 50.000.000 đồng: Hình thức vay đứng, lãi suất 01%/ngày, đã thu lãi từ ngày 01/11/2020 đến ngày 28/02/2021 (120 ngày) với tổng số tiền là 60.000.000 đồng, mức lãi suất của gói vay là 60.000.000 đồng/50.000.000 đồng x 100%/120 ngày x 365 ngày = 365%/năm, cao gấp 18,25 lần (365%:20%) so với quy định của Bộ luật Dân sự. Theo quy định, mức lãi suất cao nhất bà Th phải trả là 50.000.000 đồng x 20%/365 ngày x 120 ngày/100% = 3.287.671 đồng. Như vậy Lê Hồng S thu lợi bất chính số tiền 56.712.329 đồng

+ Ngày 01/3/2021, bà Th trả cho S 20.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại là 130.000.000 đồng, hình thức vay đứng, lãi suất 01%/ngày, đã thu lãi từ ngày 01/3/2021 đến ngày 30/4/2021 (61 ngày) với tổng số tiền 79.300.000 đồng, mức lãi

suất của gói vay là 79.300.000 đồng/130.000.000 đồng x 100%/61 ngày x 365 ngày = 365%/năm, cao gấp 18,25 lần (365%:20%) so với quy định của Bộ luật Dân sự. Theo quy định, mức lãi suất cao nhất bà Th phải trả là 130.000.000 đồng x 20%/365 ngày x 61 ngày/100% = 4.345.205 đồng. Như vậy Lê Hồng S thu lợi bất chính số tiền là 74.954.795 đồng.

+ Số tiền vay 50.000.000 đồng: Hình thức vay góp, lãi suất 0,5%/ngày, đã thu lãi từ ngày 01/3/2021 đến ngày 20/3/2021 (20 ngày) với tổng số tiền là 30.000.000 đồng (25.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi), mức lãi suất của gói vay 5.000.000 đồng/50.000.000 đồng x 100%/20 ngày x 365 ngày = 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần (182,5%:20%) so với quy định của Bộ luật Dân sự. Theo quy định, mức lãi suất cao nhất bà Th phải trả 50.000.000 đồng x 20%/365 ngày x 20 ngày/100% = 547.945 đồng. Như vậy Lê Hồng S thu lợi bất chính số tiền là 4.452.055 đồng.

Ngoài ra, Lê Hồng S còn khai nhận cho ông Bùi Quang Đ, sinh năm 1986, thường trú: Ô 4, 126A, ấp Thanh Bình, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh và Phạm Thị Th1, sinh năm 1983, thường trú tại xã Hoằng Minh, huyện Hoằng Minh, tỉnh Thanh Hóa vay tiền.

Đối với ông Bùi Quang Đ: Ngày 18/12/2021, ông Đ liên hệ với S thông qua số điện thoại của S 0938.745.556 vay số tiền 15.000.000 đồng với hình thức vay góp, mỗi ngày ông Đ vay số tiền 450.000 đồng trong thời hạn 40 ngày với tổng số tiền 18.000.000 đồng thì hết cả gốc và lãi. S đến địa chỉ của ông Đ tại B31606 chung cư Gia Hòa, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu ông Đ ký vào Giấy vay tiền ghi số tiền 18.000.000 đồng (lãi suất 0%). Sau đó S giữ của ông Đ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 005229 (bản chính) mang tên Nguyễn Thị Tuyết G; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 790047253944 mang tên Bùi Quang Đ (bản chính); 01 sổ tạm trú số 31210001632 mang tên chủ hộ Bùi Quang Đ (bản sao); 01 giấy khai sinh số 64/2014 mang tên Bùi Ngọc Thiên Tr (bản chính); 01 hợp đồng đặt cọc nhà rồi S sử dụng ứng dụng Internet banking đăng nhập số tài khoản 0381000592512 mang tên Lê Hồng S tại Ngân hàng Vietcombank chuyển đến số tài khoản 0881000438127 mang tên Bùi Quang Đ tại Ngân hàng Vietcombank số tiền 15.000.000 đồng. Sau đó, hàng ngày ông Đ chuyển 450.000 đồng vào tài khoản của S. Sau khi trả cho S đến ngày 18/01/2022 (32 ngày với tổng số tiền là 14.400.000 đồng) thì ông Đ thỏa thuận với S để vay thêm 15.000.000 đồng, S đồng ý. Vì ông Đ chưa trả đủ khoản vay trước (thiếu 08 ngày là 3.600.000 đồng) nên S chỉ chuyển cho ông Đ 11.400.000 đồng. Mỗi ngày ông Đ đều chuyển cho S 450.000 đồng. Ông Đ chuyển đến ngày 14/02/2022 thì không liên lạc được với S nên ông Đ không chuyển nữa.

Như vậy, số tiền thu lợi bất chính Lê Hồng S đã thu của ông Bùi Quang Đ là 4.540.070 đồng cụ thể:

+ Số tiền vay 15.000.000 đồng (lần 1): Hình thức vay góp, lãi suất 0,625%/ngày, đã thu lãi từ ngày 18/12/2021 đến ngày 18/01/2022 (32 ngày) với số tổng số tiền là 18.000.000 đồng (tiền gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi 3.000.000 đồng), mức lãi suất của gói vay là 3.000.000 đồng/15.000.000 đồng x 100%/32 ngày x 365

ngày=228,125%/năm, cao gấp 11,41 lần (228,125%:20%) so với quy định của Bộ luật Dân sự. Theo quy định, mức lãi suất cao nhất bà Th phải trả 15.000.000 đồng x 20%/365 ngày x 32 ngày/100% = 263.013 đồng. Như vậy Lê Hồng S thu lợi bất chính số tiền là 2.736.987 đồng.

+ Số tiền vay 15.000.000 đồng (lần 2): Hình thức vay góp, lãi suất 0,5%/ngày, đã thu lãi từ ngày 19/01/2022 đến ngày 14/02/2022 (27 ngày) với số tổng số tiền là 12.150.000 đồng (tiền gốc 10.125.000 đồng, tiền lãi 2.025.000 đồng), mức lãi suất của gói vay 2.025.000 đồng/15.000.000 đồng x 100%/27 ngày x 365 ngày = 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần (182,5%:20%) so với quy định của Bộ luật Dân sự. Theo quy định, mức lãi suất cao nhất bà Th1 phải trả 15.000.000 đồng x 20%/365 ngày x 27 ngày/100% = 221.917 đồng. Như vậy Lê Hồng S thu lợi bất chính số tiền là 1.803.083 đồng.

Đối với bà Phạm Thị Th1: Khoảng tháng 5/2021, bà Th1 liên hệ với S để thỏa thuận vay số tiền 10.000.000 đồng bằng hình thức vay góp, mỗi ngày bà Thành phải trả cho S 300.000 đồng trong thời hạn 40 ngày với tổng số tiền 12.000.000 đồng thì hết cả tiền gốc lẫn tiền lãi. Sau đó S đến nhà bà Th1 (không rõ địa chỉ) yêu cầu bà Th1 viết giấy vay nợ và giữ của bà Th1 01 căn cước công dân (bản chính) mang tên Phạm Thị Th1. S đưa cho bà Th1 10.000.000 đồng. Hàng ngày S đến thu của bà Th1 300.000 đồng. S thu đến giữa tháng 6/2021 thì bà Th1 thanh toán xong khoản vay. Từ đó đến trước khi bị bắt thì bà Th1 cũng không liên lạc với S để lấy lại 01 căn cước công dân (bản chính). Số tiền vay 10.000.000 đồng: Hình thức vay góp, lãi suất 0,5%/ngày, đã thu lãi 40 ngày với tổng số tiền 12.000.000 đồng (trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi), mức lãi suất của gói vay 2.000.000 đồng/10.000.000 đồng x 100%/40 ngày x 365 ngày = 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần (182,5%:20%) so với quy định của Bộ luật Dân sự. Theo quy định, mức lãi suất cao nhất bà Th1 phải trả 10.000.000 đồng x 20%/365 ngày x 40 ngày/100% = 219.178 đồng. Như vậy Lê Hồng S thu lợi bất chính số tiền là 1.780.822 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i màu đen, biển số 79H1-288.66, số khung ZDCKF08A08F205842, số máy KF08E0129198KTGE1, 01 (một) hộ chiếu số C8776822 mang tên Lê Hồng S, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 005229 (bản chính) mang tên Nguyễn Thị Tuyết Gi; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 790047253944 mang tên Bùi Quang Đ (bản chính); 01 (một) sổ tạm trú số 31210001632 mang tên chủ hộ Bùi Quang Đ (bản sao); 01 (một) giấy khai sinh số 64/2014 mang tên Bùi Ngọc Thiên Tr (bản chính); 01 (một) hợp đồng đặt cọc nhà, 01 (một) căn cước công dân (bản chính) mang tên Phạm Thị Th1, 01 (một) giấy vay tiền ngày 08/11/2021 ghi tên Trần Thị Thúy M, 01 (một) hợp đồng thuê nhà, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng bạc, số seri DNQVPLAMJCLG, gắn sim số 0938.745.556.

Cáo trạng số: 147/CT-VKS ngày 26/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Hồng S về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận Đ diện Viện kiểm

sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 35; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Lê Hồng S từ 200.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng.

* Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền gốc bà Th đã trả cho bị cáo Lê Hồng S là 45.000.000 đồng, xét thấy đây là số tiền bị cáo S dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị bị cáo S giao nộp để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc bị cáo Lê Hồng S đã đưa cho bà Nguyễn Thị Kim Th là 155.000.000 đồng, xét thấy đây là số tiền bị cáo S dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị bà Th giao nộp lại số tiền trên để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc Lê Hồng S đã đưa cho ông Bùi Quang Đ là 30.000.000 đồng, ông Đ đã trả cho S 25.125.000 đồng, xét thấy đây là số tiền bị cáo S dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên buộc bị cáo S giao nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc ông Bùi Quang Đ còn nợ bị cáo Lê Hồng S là 4.875.000 đồng, xét thấy đây là số tiền bị cáo S dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên buộc ông Đ giao nộp lại số tiền trên để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền Lê Hồng S thu lãi tương ứng với lãi suất tối đa Nhà nước cho phép 20%/năm là 15.624.655 đồng, xét thấy đây là số tiền do phát sinh tội phạm mà có nên đề nghị bị cáo S nộp lại để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền vượt quá lãi suất tối đa Nhà nước cho phép, đề nghị Lê Hồng S trả lại cho người vay, cụ thể bà Nguyễn Thị Kim Th số tiền 256.160.275 đồng; trả cho ông Bùi Quang Đ số tiền 4.540.070 đồng.

- Đối với số tiền Lê Hồng S cho bà Phạm Thị Th1 vay, qua xác minh bà Thành không có mặt ở địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã thông báo truy tìm nhưng vẫn chưa có ai đến liên hệ giải quyết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An sẽ tiếp tục tiến hành xác minh, xử lý sau.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i màu đen, biển số 79H1-288.66, số khung ZDCKF08A08F205842, số máy KF08E0129198KTGE1 thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra xác định xe này là của ông Nguyễn Phúc H. Ông H khai nhận cho Lê Hồng S mượn làm phương tiện đi lại. Việc S sử dụng làm phương tiện phạm tội, ông H không biết, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A đã trả xe cho ông H.

- Đối với 01 (một) hộ chiếu số C8776822 mang tên Lê Hồng S thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra xác định đây là giấy tờ cá nhân của Lê Hồng S, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Ng – mẹ ruột của S.

- Đối với 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 005229 (bản chính) mang tên Nguyễn Thị Tuyết Gi; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 790047253944 mang tên Bùi Quang Đ (bản chính); 01 (một) sổ tạm trú số 31210001632 mang tên chủ hộ Bùi Quang Đ (bản sao); 01 (một) giấy khai sinh số 64/2014 mang tên Bùi Ngọc Thiên Tr (bản chính); 01 (một) hợp đồng đặt cọc nhà thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra xác định đây là những giấy tờ của ông Bùi Quang Đ. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A đã trả cho ông Đ.

- Đối với 01 (một) căn cước công dân (bản chính) mang tên Phạm Thị Th1, qua xác minh bà Th1 không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A tiếp tục tạm giữ, xác minh, xử lý sau.

- Đối với 01 (một) giấy vay tiền ngày 08/11/2021 ghi tên Trần Thị Thúy M, 01 (một) hợp đồng thuê nhà là vật chứng của vụ án nên tịch thu lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng bạc, số seri DNQVPLAMJCLG (gắn sim số 0938.745.556) thu giữ trong vụ án, bị cáo Lê Hồng S sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Đ diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng đồng thời các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú và các chứng cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Trong các năm 2020 và 2021 tại khu phố Bình Đường 3, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Lê Hồng S đã có hành vi cho bà Nguyễn Thị Kim Th vay tổng cộng là 200.000.000 đồng lãi suất 30%/tháng vượt quá 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự không vượt quá 20%/năm, tính theo tháng 1,666%/tháng để nhằm mục đích thu lợi bất chính với tổng cộng số tiền 256.160.275 đồng.

[3] Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Hồng S cho vay với lãi suất gấp quá 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự để nhằm mục đích thu lợi bất chính 256.160.275 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó Cáo trạng số: 147/CT - VKS ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát

nhân dân thành phố Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo Lê Hồng S là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của bị cáo làm cho người vay lâm vào tình trạng khó khăn.Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được cho vay lãi nặng là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích tư lợi nên bị cáo cố tình thực hiện. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện bị cáo là người không có tiền án, tiền sự và là người lao động nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[9] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, là người lao động, thời gian tạm giam cũng đủ sức răng đe, giáo dục các bị cáo đồng thời trong thời gian tại ngoại chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo, không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ sức răng đe, giáo dục bị cáo. Đồng thời do áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo nên cần hủy bỏ các Quyết định bảo lĩnh số: 37/2022/HSST-QĐBL ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng".* Do áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về biện pháp tự pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền gốc bà Nguyễn Thị Kim Th đã trả cho bị cáo Lê Hồng S là 45.000.000 đồng, xét thấy đây là số tiền bị cáo S dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên buộc bị cáo S giao nộp để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc bị cáo Lê Hồng S đã đưa cho bà Nguyễn Thị Kim Th là 155.000.000 đồng, xét thấy đây là số tiền bị cáo S dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên buộc bà Th giao nộp lại số tiền trên để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc Lê Hồng S đã đưa cho ông Bùi Quang Đ là 30.000.000 đồng, ông Đ đã trả cho S 25.125.000 đồng, xét thấy đây là số tiền bị cáo S dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên buộc bị cáo S giao nộp 25.125.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc ông Bùi Quang Đ còn nợ bị cáo Lê Hồng S là 4.875.000 đồng, xét thấy đây là số tiền bị cáo S dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên buộc ông Đ giao nộp lại số tiền trên để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền Lê Hồng S thu lãi tương ứng với lãi suất tối đa Nhà nước cho phép 20%/năm là 15.624.655 đồng, xét thấy đây là số tiền do phát sinh tội phạm mà có nên đề nghị bị cáo S nộp lại để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền vượt quá lãi suất tối đa Nhà nước cho phép, đề nghị Lê Hồng S trả lại cho người vay, cụ thể bà Nguyễn Thị Kim Th số tiền 256.160.275 đồng; trả cho ông Bùi Quang Đ số tiền 4.540.070 đồng.

- Đối với số tiền Lê Hồng S cho bà Phạm Thị Th1 vay, qua xác minh bà Th1 không có mặt ở địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A đã thông báo truy tìm nhưng vẫn chưa có ai đến liên hệ giải quyết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A sẽ tiếp tục tiến hành xác minh, xử lý sau.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i màu đen, biển số 79H1-288.66, số khung ZDCKF08A08F205842, số máy KF08E0129198KTGE1 thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra xác định xe này là của ông Nguyễn Phúc H. Ông H khai nhận cho Lê Hồng S mượn làm phương tiện đi lại. Việc S sử dụng làm phương tiện phạm tội, ông Hải không biết, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A đã trả xe cho ông H.

- Đối với 01 (một) hộ chiếu số C8776822 mang tên Lê Hồng S thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra xác định đây là giấy tờ cá nhân của Lê Hồng S, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Ng – mẹ ruột của S.

- Đối với 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 005229 (bản chính) mang tên Nguyễn Thị Tuyết Gi; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 790047253944 mang tên Bùi Quang Đ (bản chính); 01 (một) sổ tạm trú số 31210001632 mang tên chủ hộ Bùi Quang Đ (bản sao); 01 (một) giấy khai sinh số 64/2014 mang tên Bùi Ngọc Thiên Tr (bản chính); 01 (một) hợp đồng đặt cọc nhà thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra xác định đây là những giấy tờ của ông Bùi Quang Đ. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã trả cho ông Đ.

- Đối với 01 (một) căn cước công dân (bản chính) mang tên Phạm Thị Th1, qua xác minh bà Th1 không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A tiếp tục tạm giữ, xác minh, xử lý sau.

- Đối với 01 (một) giấy vay tiền ngày 08/11/2021 ghi tên Trần Thị Thúy M, 01 (một) hợp đồng thuê nhà là vật chứng của vụ án nên tịch thu lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng bạc, số seri DNQVPLAMJCLG (gắn sim số 0938.745.556) thu giữ trong vụ án, bị cáo Lê Hồng S sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

[11] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lê Hồng S phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lê Hồng S 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 37/2022/HSST-LCĐKNCT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Lê Hồng S phải nộp 90.625.000 (chín mươi triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Lê Hồng S trả cho bà Nguyễn Thị Kim Th 256.160.275 (hai trăm năm mươi sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi lăm) đồng và trả lại cho ông Bùi Quang Đ 4.540.070 (bốn triệu năm trăm bốn mươi nghìn không trăm bảy mươi) đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim Th phải nộp 155.000.000 (một trăm năm mươi lăm triệu) đồng và ông Bùi Quang Đ phải nộp 4.875.000 (bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, để sung ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng bạc, số seri DNQVPLAMJCLG.

- Tịch thu tiêu hủy sim số 0938.745.556.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/4/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Hồng S phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**